|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VIỆC NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THUỘC DANH MỤC SẢN PHẨM CNTT ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU VÀ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIA CÔNG SỬA CHỮA HÀNG HÓA THUỘC DANH MỤC SẢN PHẨM CNTT ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI ĐỂ TIÊU THỤ Ở NƯỚC NGOÀI**



Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Thông tư quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài. Kết quả như sau:

# I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

## 1. Bối cảnh xây dựng

### 1.1. Cơ sở pháp lý

(i) Luật Quản lý ngoại thương (05/2017/QH14) quy định:

- Khoản 2 Điều 10: *“****Thủ tướng Chính phủ*** *quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này nhằm phục vụ mục đích* ***đặc dụng****, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm,* ***nghiên cứu khoa học****, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh.”*.

- Khoản 3 Điều 51: *“****Thủ tướng Chính phủ*** *quyết định cho phép thương nhân thực hiện* ***hoạt động gia công*** *hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.”*.

(ii) Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương quy định:

- Khoản 3 Điều 5 *“****Thủ tướng Chính phủ*** *xem xét quyết định cho phép xuất khẩu hàng hóa cấm xuất khẩu; cho phép nhập khẩu hàng hóa cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích* ***đặc dụng****, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm,* ***nghiên cứu khoa học****, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh.”*.

- Điều 46: *“****Thủ tướng Chính phủ*** *xem xét, quyết định việc* ***gia công*** *hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.”*.

- Khoản 1 Điều 72 quy định: *“****Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*** *quy định việc xuất khẩu, nhập khẩu một số mặt hàng thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu ban hành trước khi Nghị định này có hiệu lực* ***được tiếp tục thực hiện****.”*.

(iii) Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại quy định:

- Khoản 1 Điều 28: *“****Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ*** *quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 nhằm phục vụ mục đích* ***đặc dụng****, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm,* ***nghiên cứu khoa học****, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017* ***do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện****, trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.”*.

- Khoản 1 Điều 31: *“****Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ*** *trong việc xem xét, quyết định cho phép xuất khẩu hàng hóa cấm xuất khẩu; cho phép nhập khẩu hàng hóa cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mụcđích* ***đặc dụng****, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm,* ***nghiên cứu khoa học****, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP* ***do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện****, trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.”*.

- Khoản 4 Điều 31: *“****Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ*** *trong việc xem xét, quyết định việc* ***gia công hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu****, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP* ***do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện****”*.

Như vậy, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đã ***phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cho Bộ, cơ quan ngang Bộ*** quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu và và thực hiện gia công hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu. Trong đó, bao gồm hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### 1.2. Cơ sở thực tiễn

Thực thi chính sách về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu theo nhiệm vụ được giao tại Điều 5 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP[[1]](#footnote-1) ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã ban hành Thông tư số 31/2015/TT-BTTTT được thay thế bởi Thông tư số 11/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 công bố chi tiết Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu kèm theo mã số HS.

Đồng thời, về quy định nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản sau:

- Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh Mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

- Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

Theo đó, tại các Quyết định nêu trên Thủ tướng Chính phủ đã uỷ quyền cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu trong một số trường hợp, cụ thể:

- Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg quy định 06 trường hợp cho phép nhập khẩu thuộc Danh mục cấm nhập khẩu: *(1) Nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức; (2) Nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng để làm thiết bị Điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất; (3) Nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng CNTT, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài; (4) Nhập khẩu sản phẩm CNTT chuyên dùng đã qua sử dụng; (5) Tái nhập khẩu sản phẩm CNTT đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài để sửa chữa; và (6) Nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó hiện nay không còn được sản xuất.*

- Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg quy định 02 trường hợp: *(07) cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học* và *(08) cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài*.

Sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành, việc triển khai quy định về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

*(i) Phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cho Bộ, cơ quan ngang Bộ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu*

Như đã báo cáo tại Phần I.1 (Cơ sở chính trị, pháp lý), Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đã phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cho Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (đối với các hàng hóa quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BTTTT). Như vậy, việc duy trì thực hiện theo các Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg và 31/2019/QĐ-TTg là không còn phù hợp với quy định về phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, cần phải được bãi bỏ và ban hành theo hình thức Thông tư hướng dẫn về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu của Bộ Khoa học và Công nghệ để phù hợp với thẩm quyền tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

*(ii) Các trường hợp được phép nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu*

*Thứ nhất,* Nghị định số 146/2025/NĐ-CP chỉ quy định về phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, không thay đổi quy định về trường hợp được phép nhập khẩu thuộc Danh mục cấm nhập khẩu[[2]](#footnote-2).

*Thứ hai,* các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu tại Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg và 31/2019/QĐ-TTg chỉ đang được quy định về hiệu lực thực hiện tại Điều khoản chuyển tiếp (Khoản 1 Điều 72) của Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, không được đề cập đến trong Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

Do đó, cần thiết phải điều chỉnh các trường hợp cho phép nhập khẩu, đặc biệt là các trường hợp quy định tại Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg, gắn với trường hợp “phục vụ mục đích đặc dụng” theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương bằng Thông tư hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền đã được phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ để tạo sự đồng bộ, thống nhất với pháp luật về quản lý ngoại thương.

*(iii) Trình tự, thủ tục và hồ sơ*

Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu và cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu theo hướng đơn giản về thành phần hồ sơ, rút ngắn ***về*** trình tự, thủ tục so với Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg và Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg.Đồng thời,khoản 3 Điều 60 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định: *“Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này”*.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, trường hợp phân cấp dẫn đến cần thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cấp mình thì sửa đổi, bổ sung ngay hoặc giao cấp dưới quy định*.* Do vậy, trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thể xây dựng văn bản để điều chỉnh quy trình, thủ tục theo hướng giảm thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng.

Trong quá trình thực thi, chính sách về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, nghiên cứu khoa học; đặc biệt là thu hút, chuyển dịch các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số vào Việt Nam. Thực hiện chủ trương về đẩy mạnh phân quyền, phân quyền của Đảng và Nhà nước trong thực thi pháp luật, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP là căn cứ pháp lý quan trọng trong việc điều chỉnh chính sách theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa và tiết kiệm tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa để phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh. Như vậy, để tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật và thực thi nhiệm vụ được giao, cấp thiết sớm phải xây dựng và ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về các trường hợp nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

## 2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

**2.1. Mục đích**

- Các thủ tục hành chính được xây dựng đúng quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Hồ sơ và trình tự, thủ tục của các thủ tục hành chính được quy định chi tiết, rõ ràng, bảo đảm tính hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục đề nghị cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

- Nội dung của các thủ tục hành chính thống nhất trong toàn bộ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**2.2. Yêu cầu đánh giá**

Đánh giá đầy đủ tác động của thủ tục hành hành chính dự kiến ban hành, bao gồm: *(i) Nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu; (ii) Thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu*.

# II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

## 1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

**1.1. Thủ tục hành chính về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu**

**1.1.1. Sự cần thiết**

Ngày 12/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại quy định. Trong đó, đã phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cho Bộ, cơ quan ngang Bộ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu. Đồng thời, thay đổi về trình tự, thủ tục thực hiện nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu (bao gồm hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu). Như vậy, việc xây dựng quy định thủ tục hành chính là cấp thiết để đồng bộ và phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

**1.1.2. Tính hợp lý**

Thủ tục hành chính được quy định chi tiết, rõ ràng, đơn giản hóa tối đa để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

**1.1.3. Tính hợp pháp**

Thủ tục hành chính được quy định phù hợp với thẩm quyền ban hành của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Nội dung của thủ tục hành chính thống nhất, không trái với Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đáp ứng yêu cầu của việc quy định thủ tục hành chính tại khoản 2 Điều 8 văn bản hợp nhất số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017).

**1.1.4. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính**

Dự thảo Thông tư không quy định thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu, trong đó:

- Chi phí tuân thủ: 1.321.532 đồng.

- Tổng chi phí thực hiện trong 01 năm: 51.225.824 đồng/năm.

*Chi tiết đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới tại Phụ lục I kèm theo Bản đánh giá này. (Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-BHM Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

*Chi tiết chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tại Phụ lục II kèm theo Bản đánh giá. (Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

## 1.2. Thủ tục hành chính về thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu

**1.2.1. Sự cần thiết**

Ngày 12/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại quy định. Trong đó, đã phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cho Bộ, cơ quan ngang Bộ quyết định cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu. Đồng thời, thay đổi về trình tự, thủ tục cho phép thực hiện gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu (bao gồm hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu). Như vậy, việc xây dựng quy định thủ tục hành chính là cấp thiết để đồng bộ và phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

**1.2.2. Tính hợp lý**

Thủ tục hành chính được quy định chi tiết, rõ ràng, đơn giản hóa tối đa để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc đề nghị cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

**1.2.3. Tính hợp pháp**

Thủ tục hành chính được quy định phù hợp với thẩm quyền ban hành của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Nội dung của thủ tục hành chính thống nhất, không trái với Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đáp ứng yêu cầu của việc quy định thủ tục hành chính tại khoản 2 Điều 8 văn bản hợp nhất số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017).

**1.2.4. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính**

Dự thảo Thông tư không quy định thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu, trong đó:

- Chi phí tuân thủ: 997.828 đồng.

- Tổng chi phí thực hiện trong 01 năm: 3.307.040 đồng/năm:

*Chi tiết đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới tại Phụ lục I kèm theo Bản đánh giá này. (Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-BHM Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

*Chi tiết chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tại Phụ lục II kèm theo Bản đánh giá. (Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

## 2. Việc phân cấp, phân quyền

Dự thảo Thông tư quy định Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho Cục CNCNTT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài. Việc phân cấp nhiệm vụ này phù hợp với định hướng chủ trương về đẩy mạnh phân quyền của Đảng và Nhà nước trong thực thi pháp luật; Luật Tổ chức Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

## 3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Thông tư chỉ quy định các nội dung mang tính hướng dẫn, nguyên tắc thực hiện tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, không quy định về các biện pháp ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### 4. Việc bình đẳng giới

Dự thảo Thông tư không có quy định đặc thù nào liên quan đến bình đẳng giới, không tạo ra sự khác biệt về thủ tục hay điều kiện áp dụng đối với nam và nữ. Tất cả tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trước quy định của pháp luật.

## 5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Thông tư không có quy định về miễn trừ hay điều chỉnh nào cho các địa bàn dân tộc thiểu số. Như vậy, về mặt nội dung, dự thảo Thông tư không có quy định có ảnh hưởng đến chính sách dân tộc.

Trên đây là Bản đánh giá thủ tục hành chính của dự thảo Thông tư quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài./.

**Phụ lục I**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-BHM**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)* |

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI**

**TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VIỆC NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THUỘC DANH MỤC SẢN PHẨM CNTT ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU VÀ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIA CÔNG SỬA CHỮA HÀNG HÓA THUỘC DANH MỤC SẢN PHẨM CNTT ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI ĐỂ TIÊU THỤ Ở NƯỚC NGOÀI**

**Tên dự án, dự thảo văn bản:** Dự thảo Thông tư quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

# Thủ tục hành chính 1: Nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1.** **Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định: *“Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định cho phép xuất khẩu hàng hóa cấm xuất khẩu; cho phép nhập khẩu hàng hóa cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh.”*.  Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã uỷ quyền cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền quyết định cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu tại các văn bản:  - Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu: *(1) Nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức; (2) Nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng để làm thiết bị Điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất; (3) Nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng CNTT, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài; (4) Nhập khẩu sản phẩm CNTT chuyên dùng đã qua sử dụng; (5) Tái nhập khẩu sản phẩm CNTT đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài để sửa chữa; và (6) Nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó hiện nay không còn được sản xuất.*  - Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài: *(7)* *cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học* và *(8) cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài*.  Ngày 12/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Trong đó, phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cho Bộ, cơ quan ngang Bộ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh và và thực hiện gia công hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu (bao gồm Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu). Đồng thời, thay đổi về trình tự, thủ tục theo hướng đơn giản về thành phần hồ sơ, rút ngắn vềtrình tự, thủ tục so với Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg và Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg.Ngoài ra,khoản 3 Điều 60 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định: *“Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này”*.   b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Trong quá trình thực thi, chính sách về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, nghiên cứu khoa học; đặc biệt là thu hút, chuyển dịch các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số vào Việt Nam. Thực hiện chủ trương về đẩy mạnh phân quyền, phân quyền của Đảng và Nhà nước trong thực thi pháp luật, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP là căn cứ pháp lý quan trọng trong việc điều chỉnh chính sách theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa và tiết kiệm tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa để phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh. Như vậy, để tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật và thực thi nhiệm vụ được giao, cấp thiết sớm phải xây dựng quy định về các trường hợp nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu phù hợp, đồng bộ với quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và pháp luật quản lý về ngoại thương. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:  - Quyền: Tổ chức, doanh nghiệp được phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh.  - Nghĩa vụ: Tuân thủ quy định về hồ sơ, trình tự và thủ tục thực hiện thủ tục hành chính về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh.  - Lợi ích: Tổ chức, doanh nghiệp được phép quản lý, sử dụng hàng hóa nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:  Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính; tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; bảo vệ môi trường trong hoạt động quản lý sản phẩm CNTT đã qua sử dụng. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính:  Thủ tục hành chính đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:  Khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có ☐ Không ☒  Nếu Không, nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| **II.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Phù hợp với thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒  - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒  Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ |
| **III.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ tên thủ tục hành chính. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính đang triển khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trong đó, phương thức quản lý thực hiện tập trung, thống nhất; giải quyết TTHC kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền; không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính có quy định về việc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan và báo cáo tình hình thực hiện. Đồng thời, hằng năm Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch kiểm tra các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ  Trực tiếp ☒  Bưu chính ☒  Điện tử ☒  b) Nhận kết quả  Trực tiếp ☒  Bưu chính ☒  Điện tử ☒ | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1:  Văn bản đề nghị nhập khẩu hàng hoá thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (trong đó nêu rõ thông tin về hàng hoá đề nghị nhập khẩu (mô tả, mã HS chi tiết 8 số), số lượng đề nghị nhập khẩu theo từng mã hàng, nhà sản xuất, xuất xứ hàng hoá, tình trạng hàng hoá); lý do, mục đích nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương, sự cần thiết đề nghị nhập khẩu | - Nêu rõ lý do quy định:  Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Tài liệu thuyết minh về kế hoạch sử dụng, quy trình quản lý hàng hoá nhập khẩu trong quá trình sử dụng tại Việt Nam; phương án xử lý hàng hoá nhập khẩu sau khi sử dụng tại Việt Nam | - Nêu rõ lý do quy định:  Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Yêu cầu về hình thức: Không quy định.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3:  Báo cáo tình hình thực hiện các giấy phép đã được cấp trước đó (nếu có) | - Nêu rõ lý do quy định:  Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ: Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| e) Số lượng bộ hồ sơ: 01. | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có ☒ Không ☐  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có ☒ Không ☐  Lý do quy định: Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐  Mô tả rõ: Là cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam.  Lý do quy định: Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không? Có ☐ Không ☒  Nêu rõ lý do: Trường hợp mở rộng đối tượng cần đánh giá sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐  - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐  - Biên giới ☐ Hải đảo ☐  Lý do quy định: Áp dụng pháp luật không phân biệt đối xử vùng, miền.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?  Có ☐ Không ☒  Nêu rõ lý do: Đã áp dụng quy mô toàn quốc. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 50. | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có ☒ Không ☐  Lý do quy định: Đã quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 31 và khoản 1 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có ☐ Không ☒  Nêu rõ lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không ☒ Có ☐  - Phí: Không ☒ Có ☐  - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có ☐ Không ☒ |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có ☐ Không ☒  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| b) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: |
| **10. Yêu cầu điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có ☐ Không ☒  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép ☐  - Giấy chứng nhận ☐  - Giấy đăng ký ☐  - Chứng chỉ ☐  - Thẻ ☐  - Quyết định hành chính ☐  - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒  - Loại khác: ☐  Đề nghị nêu rõ: Văn bản cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒ |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có ☒ Không ☐  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có ☐ Không ☒  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc ☒ Địa phương ☐  Lý do: Áp dụng trên toàn quốc. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Lê Đức Hiệp.  Điện thoại cố định: 024 3943 7310; Di động: 0974 012 218; Email: [ldhiep@mst.gov.vn](mailto:ldhiep@mst.gov.vn). | |

# Thủ tục hành chính 2: Thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1.** **Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Điều 46 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định: *“Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc gia công hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.”*.  Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã uỷ quyền cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền quyết định cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài tại Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.  Ngày 12/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Trong đó, phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về cho Bộ, cơ quan ngang Bộ quyết định cho phép thực hiện gia công hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu (bao gồm Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu). Đồng thời, thay đổi về trình tự, thủ tục theo hướng đơn giản về thành phần hồ sơ, rút ngắn vềtrình tự, thủ tục so với Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg.Ngoài ra,khoản 3 Điều 60 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định: *“Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này”*.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Trong quá trình thực thi, quy định về cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài đã và đang phát huy hiệu quả tích cực, sự đúng đắn trong định hướng chính sách của Chính phủ. Quy định này không chỉ phục vụ thị trường nội địa, tạo ra hàng chục nghìn việc làm đòi hỏi kỹ năng cao và thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ mà còn đóng vai trò là các trung tâm sửa chữa, bảo hành khu vực và toàn cầu cho các thương hiệu công nghệ lớn. Hoạt động này đã tạo ra một nguồn thu ngoại tệ ổn định từ xuất khẩu dịch vụ, được ghi nhận qua các hợp đồng gia công với giá trị gia tăng cao, góp phần cải thiện cán cân thương mại dịch vụ của Việt Nam.  Như vậy, để tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật và thực thi nhiệm vụ được giao, cấp thiết sớm phải xây dựng quy định về cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài phù hợp, đồng bộ với quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và pháp luật quản lý về ngoại thương. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:  - Quyền: Tổ chức, doanh nghiệp được phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.  - Nghĩa vụ: Tuân thủ quy định về hồ sơ, trình tự và thủ tục thực hiện thủ tục hành chính về thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.  - Lợi ích: Tổ chức, doanh nghiệp được phép quản lý, sử dụng hàng hóa nhập khẩu gia công sửa chữa theo Hợp đồng ký kết với đối tác nước ngoài.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:  Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính; tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; bảo vệ môi trường trong hoạt động quản lý sản phẩm CNTT đã qua sử dụng. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính:  Thủ tục hành chính đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:  Khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có ☐ Không ☒  Nếu Không, nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| **II.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Phù hợp với thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 28 và khoản 4 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒  - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒  Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ |
| **III.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ tên thủ tục hành chính. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định chi tiết tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính đang triển khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trong đó, phương thức quản lý thực hiện tập trung, thống nhất; giải quyết TTHC kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền; không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính có quy định về việc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan và báo cáo tình hình thực hiện. Đồng thời, hằng năm Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch kiểm tra các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ  Trực tiếp ☒  Bưu chính ☒  Điện tử ☒  b) Nhận kết quả  Trực tiếp ☒  Bưu chính ☒  Điện tử ☒ | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1:  Văn bản đề nghị gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (trong đó, nêu cụ thể các nội dung quy định về hợp đồng gia công tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ) | - Nêu rõ lý do quy định:  Đã quy định chi tiết tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh (nếu có) | - Nêu rõ lý do quy định:  Đã quy định chi tiết tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Yêu cầu về hình thức: Bản sao.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có ☒ Không ☐  Nêu rõ: Đã quy định chi tiết tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01. | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có ☒ Không ☐  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Đã quy định chi tiết tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có ☒ Không ☐  Lý do quy định: Đã quy định chi tiết tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐  Mô tả rõ: Là cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam.  Lý do quy định: Đã quy định chi tiết tại khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.  - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không? Có ☐ Không ☒  Nêu rõ lý do: Trường hợp mở rộng đối tượng cần đánh giá sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐  - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐  - Biên giới ☐ Hải đảo ☐  Lý do quy định: Áp dụng pháp luật không phân biệt đối xử vùng, miền.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?  Có ☐ Không ☒  Nêu rõ lý do: Đã áp dụng quy mô toàn quốc. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 05. | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có ☒ Không ☐  Lý do quy định: Đã quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 28, khoản 4 Điều 31 và khoản 3 Phụ lục X Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có ☐ Không ☒  Nêu rõ lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không ☒ Có ☐  - Phí: Không ☒ Có ☐  - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có ☐ Không ☒ |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có ☐ Không ☒  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| b) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: |
| **10. Yêu cầu điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có ☐ Không ☒  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép ☐  - Giấy chứng nhận ☐  - Giấy đăng ký ☐  - Chứng chỉ ☐  - Thẻ ☐  - Quyết định hành chính ☐  - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒  - Loại khác: ☐  Đề nghị nêu rõ: Văn bản cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒ |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có ☒ Không ☐  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có ☐ Không ☒  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc ☒ Địa phương ☐  Lý do: Áp dụng trên toàn quốc. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Lê Đức Hiệp.  Điện thoại cố định: 024 3943 7310; Di động: 0974 012 218; Email: [ldhiep@mst.gov.vn](mailto:ldhiep@mst.gov.vn). | |

**Phụ lục II**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)* |

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI**

**TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**Tên dự án, dự thảo văn bản:** Dự thảo Thông tư quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài

**Thủ tục hành chính 1:** Nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Văn bản đề nghị nhập khẩu hàng hoá thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (trong đó nêu rõ thông tin về hàng hoá đề nghị nhập khẩu (mô tả, mã HS chi tiết 8 số), số lượng đề nghị nhập khẩu theo từng mã hàng, nhà sản xuất, xuất xứ hàng hoá, tình trạng hàng hoá); lý do, mục đích nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương, sự cần thiết đề nghị nhập khẩu: 01 bản chính | Theo quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP | 4,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 52 | 216.136 | 11.239.072 |
| 1.2 | Tài liệu thuyết minh về kế hoạch sử dụng, quy trình quản lý hàng hoá nhập khẩu trong quá trình sử dụng tại Việt Nam; phương án xử lý hàng hoá nhập khẩu sau khi sử dụng tại Việt Nam | Theo quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP | 8,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 52 | 431.272 | 22.426.144 |
| 1.3 | Báo cáo tình hình thực hiện các giấy phép đã được cấp trước đó (nếu có): 01 bản chính | Theo quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP | 4,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 52 | 216.136 | 11.239.072 |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 67.500 | 1 | 0 | 121.284 | 0 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 52 | 26.892 | 1.398.384 |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 1,0 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 14.000 | 1 | 52 | 67.784 | 3.524.768 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 52 | 26.892 | 1.398.384 |
|  |  | Khác | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
|  | **TỔNG** | |  |  |  | **84.500** |  |  | **1.321.532** | **51.225.824** |

**Thủ tục hành chính 2:** Thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Văn bản đề nghị gia công hàng hoá thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (trong đó, nêu cụ thể các nội dung quy định về hợp đồng gia công tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ: 01 bản chính | Theo quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP | 8,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 5 | 431.272 | 2.156.360 |
| 1.2 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh (nếu có): 01 bản sao | Theo quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP | 2,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 5 | 108.568 | 542.840 |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 67.500 | 1 | 0 | 121.284 | 0 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 5 | 26.892 | 134.460 |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 1,0 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 14.000 | 1 | 5 | 67.784 | 338.920 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 5 | 26.892 | 134.460 |
|  |  | Khác | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
|  | **TỔNG** | |  |  |  | **83.500** |  |  | **997.828** | **3.307.040** |

1. Nghị định số 187/2013/NĐ-CP được thay thế bằng Nghị định số 69/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nhằm phục vụ **mục đích đặc dụng**, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, **nghiên cứu khoa học**, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh. [↑](#footnote-ref-2)